

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 357/2023/HC-PT
Ngày 24 tháng 5 năm 2023

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm P – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm P: Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 934/2022/TLPT-HC ngày 26 tháng 11 năm 2022 “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 91/2022/HC-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 307/2023/QĐPT-HC ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 2/13, Khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 259/23/46, Khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ (có mặt).

2. *Người bị kiện:* - Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) thị xã P, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch UBND thị xã P, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ 51, phường P, thị xã P, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Võ Mạnh Hùng – Phó trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường thị xã P (có mặt).

- Ông Phạm Hoàng V – Chuyên viên Phòng Tài nguyên & Môi trường Thị xã P (có mặt).

- Ông Phạm Doãn N – Trưởng phòng nghiệp vụ - Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã P (vắng mặt).

- Ông Lê Thành T – Chủ tịch UBND phường P, thị xã P (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

* Chủ tịch UBND thị xã P, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch UBND thị xã P, tỉnh B.

Địa chỉ: Quốc lộ 51, phường P, thị xã P, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Võ Mạnh H – Phó trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường thị xã P (có mặt).

- Ông Phạm Hoàng V – Chuyên viên Phòng Tài nguyên & Môi trường Thị xã P (có mặt).

- Ông Phạm Doãn N – Trưởng phòng nghiệp vụ - Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã P (vắng mặt).

- Ông Lê Thành T – Chủ tịch UBND phường P, thị xã P (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2/13, Khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân H, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Số 259/23/46, Khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn P và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Lê Xuân H trình bày:

Ngày 27/3/2014, UBND huyện T (nay là thị xã P) ban hành Quyết định 1289/QĐ-UBND thu hồi 1.127,8 m² đất, trong đó có 300m² đất thổ cư (đất đã có Giấy chứng nhận 1.333m², thực tế sử dụng 1.127,8 m²) của ông P để đầu tư xây dựng công trình: Di dời, tái định cư khu phố N. Ngày 28/3/2014, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1413/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông P đối với 1.127,8 m² đất. Giá đất bồi thường đối với đất thổ cư là 880.000đ/m² và đất nông nghiệp là 101.000đ/m², phần nhà ở 184,4m² không bồi thường, không bố trí tái định cư. Sau khi ông P khiếu nại, ngày 15/7/2015 UBND thị xã P ban hành Quyết định 3358/QĐ-UBND phê duyệt bồi thường bổ sung, theo đó giá đất ở là 2.237.000đ/m² và đất nông nghiệp là 221.000đ/m². Không đồng ý ông P tiếp tục khiếu nại yêu cầu bồi thường bổ sung 184,4m² diện tích nhà xây dựng và giải quyết bố trí đất tái định cư tương ứng với diện tích đất bị thu hồi (3 lô). Ngày 27/9/2019, UBND thị xã P ban hành Văn bản số 894/UBND- TT.PTQĐ. Theo đó, UBND thị xã đồng ý giao cho gia đình ông P một lô đất ở có thu tiền sử dụng đất. Ngày 22/6/2020, UBND thị xã P ban hành Văn bản 1976/UBND – TT.PTQĐ (ông P không nhận được Văn bản này) bác đơn của ông P. Ngày 08/10/2020, ông P tiếp tục có đơn yêu cầu giải quyết dứt điểm khiếu nại. Ngày 09/12/2020, UBND thị xã P ban hành Văn Bản 1208/UBND-TTPTQĐ tiếp tục bác đơn khiếu nại của ông P.

Thực tế trong thời gian ông P bị bệnh phải đi chữa bệnh và lưu trú tại Biên Hòa một thời gian, còn lại ông P vẫn sống tại nhà và đất bị thu hồi. Diện tích nhà còn lại ông cho công nhân thuê để lấy tiền chữa bệnh. Việc này chính Công an và UBND phường P cũng đã xác nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 5 quy định kèm theo Quyết định 13/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của UBND tỉnh, gia đình ông P có đất bị thu hồi hết phải được bố trí tái định cư và hỗ trợ di dời, trường hợp của gia đình ông có 3 con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên phải bố trí 3 suất đất tái định cư tương ứng với diện tích đất ở bị thu hồi và hỗ trợ di dời. Phần nhà diện tích 184,4m² xây dựng từ năm 2010, thu hồi không bồi thường là không đúng quy định. Ngoài ra đất của ông P theo giấy tờ là 1.333m² nhưng UBND thị xã P mới bồi thường 1.127,8m² còn lại 205,2m² chưa được bồi thường.

* Nay ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Điều 1 Quyết định 1413/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 và Điều 1 Quyết định 3358/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của UBND huyện T (nay là thị xã P) về nội dung bồi thường, hỗ trợ.

- Hủy Văn bản số 1208/UBND-TT.PTQĐ ngày 09/12/2020 và hủy Văn bản số 1976/UBND -VP ngày 22/6/2020 của UBND thị xã P.

- Buộc UBND thị xã P phải tính lại giá đất bồi thường, diện tích đất bồi thường, diện tích 184,4m² nhà xây dựng, hỗ trợ di dời và tái định cư thêm 2 suất.

- Buộc UBND thị xã P giải quyết bồi thường bổ sung diện tích 205,2m² chưa tính giá trị bồi thường.

[2] Quá trình tham gia tố tụng, người bị kiện -Ủy ban nhân dân thị xã P và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ngày 21/7/2022, UBND thị xã P có Văn bản số 3552/UBND-TNMT v/v có ý kiến và cung cấp hồ sơ, chứng cứ liên quan đến nội dung khởi kiện của ông P. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện giữ nguyên ý kiến của UBND thị xã P tại Văn bản số 3552 và có ý kiến như sau: UBND thị xã P nhận được đơn của ông Nguyễn Văn P đề nghị giải quyết bố trí 2 lô đất tái định cư, bồi thường 184,4m² nhà xây dựng và hỗ trợ di dời chỗ ở. Ngày 09/12/2020, UBND thị xã P có Văn bản 1208/UBND-TTPTQĐ về việc trả lời ông P.

Ngày 28/3/2014, UBND huyện T ban hành Quyết định 1413/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông P để xây dựng công trình: Di dời, tái định cư các hộ dân khu phố N. Dự án này hộ ông P bị thu hồi 1.127,8m² đất trong đó có 300m² đất ở, có nhà cấp 4 xây dựng năm 2010 bị giải tỏa hết nhưng gia đình ông P không trực tiếp sinh sống tại đây mà đang cho thuê trọ, không phải di chuyển chỗ ở. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quyết định 13/2010/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của UBND tỉnh. Trường hợp của hộ ông P bị thu hồi hết nhà, đất nhưng nhà cho thuê, không phải di chuyển chỗ ở, không đủ điều kiện được bố trí tái định cư. Tuy nhiên, ngày 27/9/2019 UBND thị xã đã xem xét hoàn cảnh gia đình của ông P và ban hành Văn bản 894/UBND-TT.PTQĐ bố trí một lô đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ ông P. Sau khi nhận đất ở, ông P tiếp tục giữ đơn đề nghị giao thêm 2 lô đất ở mới. UBND thị xã P đã có Văn bản 1976/UBND-TT.PTQĐ ngày 22/6/2020 và Văn bản 1208/UBND-VP ngày 09/12/2020 trả lời không đồng ý.

Đối với việc yêu cầu bồi thường 184,4m² nhà cấp 4 xây dựng năm 2010 trên đất nông nghiệp. Căn cứ khoản 4 Điều 18 Nghị định 197/2004/NĐ-CP. Trường hợp nhà của ông P xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp nên không được bồi thường.

Đối với 205,2m² đất chênh lệch so với diện tích theo giấy chứng nhận đã

cấp. Hộ ông P được cấp Giấy chứng nhận 1.333m² đất, tuy nhiên khi đo đạc thu hồi thực tế, hộ ông P chỉ sử dụng 1.127,8m² đất. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị định 47/NĐ-CP trường hợp của hộ ông P diện tích đo đạc thực tế nhỏ hơn diện tích ghi trên giấy chứng nhận thì bồi thường theo diện tích thực tế.

Toàn bộ khiếu kiện của ông P là không có cơ sở, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

[3] Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị T trình bày:

Thông nhất với các nội dung khởi kiện và các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đã trình bày trong Đơn khởi kiện, cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là Ủy ban nhân dân thị xã P). Cụ thể hủy phần nội dung tại Điều 1, Quyết định số 1413/QĐ-UBND vì không bồi thường đầy đủ vật kiến trúc và không hỗ tái định cư tương ứng với diện tích đất của gia đình ông Nguyễn Văn P bị thu hồi. Đồng thời hủy văn bản giải quyết khiếu nại số 1208/UBND-TT.PTQĐ ngày 27/9/2019 của Ủy ban nhân dân thị xã P.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã P lập thủ tục bồi thường, hỗ trợ bổ sung diện tích nhà ở 184,4 m² và giải quyết hỗ trợ tiền di chuyển chỗ ở cũng như giải quyết bố trí thêm 02 lô đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Văn P cho tương ứng với số diện tích đất đã bị thu hồi.

Tại Bản án số 91/2022/HC-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 18, Điều 27 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 ; khoản 1 Điều 47 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 5 Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 01/4/2010; Quyết định 52/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P:

- Hủy Quyết định 1413/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của UBND huyện T (nay là thị xã P) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ Nguyễn Văn P và Bùi Thị T để xây dựng công trình: Di dời, tái định cư các hộ dân khu phố N nằm trong khu vực 21,1m ha phía Bắc nhà máy T (giai đoạn 2-Đợt 4) thị trấn P, huyện T.

- Hủy Văn bản số 894/UBND-TT.PTQĐ ngày 27/9/2019 của Chủ tịch

UBND thị xã P v/v trả lời đơn ông Nguyễn Văn P.

- Buộc UBND thị xã P phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, tái định và hỗ trợ di chuyển chỗ ở cho ông Nguyễn Văn P theo đúng quy định pháp luật.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P hủy Quyết định 3358/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của UBND huyện T (nay là thị xã P).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 16/9/2022, người khởi kiện ông Nguyễn Văn P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Ngày 08/10/2022, người khởi kiện ông Nguyễn Văn P có đơn kháng cáo bổ sung đơn kháng cáo ngày 16/9/2022.

Ngày 06/10/2022, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lê Xuân H trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P, tuyên hủy Quyết định số 3358/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của UBND huyện T (nay là thị xã P) về bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông P với đơn giá từ 880.000đ/m² lên 2.237.000đ/m² đối với đất ở và từ 101.000đ/m² lên 221.000đ/m² đối với đất nông nghiệp; Với các lý do: Đất của ông P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1333m² và ông P sử dụng ổn định nhưng Ủy ban thị xã P chỉ bồi thường 484m². Phía Ủy ban cho rằng diện tích này nằm trên diện tích cấp giấy là đất nông nghiệp là không đúng. Đất được bồi thường thì nhà cũng phải được bồi thường. Ngay trong cùng 01 dự án nhưng có 01 số hộ khác có nhà cấp 4, xây dựng vào năm 2010-2011 nhưng cũng đã được xét bồi thường; Về tái định cư, sau này mới giải quyết 01 lô nhưng xác định do hoàn cảnh gia đình khó khăn và cho rằng đó là tái định cư là không đúng; Ông P được người thân cho ở nhờ ở Đồng Nai để chữa bệnh. Ông P đủ điều kiện để giải quyết tái định cư nên yêu cầu giải quyết thêm 02 lô tái định cư. Trong quá trình thu hồi đất, phương án bồi thường chưa được phê duyệt. Đến 2015 mới ký các quyết định bổ sung về giá đất là không đúng quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, Ủy ban nhân dân thị xã P ông Võ Mạnh H, ông Phạm Hoàng V trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P với các lý do: Ủy ban nhân dân

thị xã P đã đồng ý giao 01 lô đất ở cho gia đình ông P là đã thực hiện chính sách tái định cư đối với hộ ông P, đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm hủy toàn bộ Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã P) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ Nguyễn Văn P là không đúng vì trong quyết định bồi thường trên còn có nhiều nội dung, hạng mục tính toán bồi thường, hỗ trợ khác mà ông P không khiếu nại thì đã xem như đồng ý.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn P, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã P), trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và cử người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ Khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã P) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn Văn P; Quyết định số 3358/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã P) về bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông P; Văn bản số 894/UBND-TTPTQĐ ngày 27/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư nên ông P liên tục khiếu nại. Ngày 27/9/2019, Ủy ban nhân dân thị xã P ban hành Văn bản số 894/UBND-TTPTQĐ trả lời đồng ý giao cho hộ ông P 01 lô đất ở. Không đồng ý, ông P tiếp tục khiếu nại. Ngày 22/6/2020, Ủy ban nhân dân thị xã P có Văn bản số 1976/UBND-VP trả lời không có cơ sở để xem xét bố trí 02 lô đất ở mới cho ông P. Ngày 09/12/2020, Ủy ban nhân dân thị xã P ban hành Văn bản số 1208/UBND-TT.PTQĐ trả lời ông P, nội dung đề nghị giao 02 lô đất ở đã được Ủy ban nhân dân thị xã P trả lời không đồng ý tại Văn bản số 1976/UBND-VP ngày 22/6/2020, trường hợp không đồng ý ông có thể nộp đơn khởi kiện tại Tòa án; đối với diện tích 133m² nhà xây dựng năm 2010 trên đất nông nghiệp không được bồi thường là đúng quy định. Do đó, ngày 29/01/2021, ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 28/3/2014, Quyết định số 3358/QĐ-UBND ngày 15/7/2015; Văn bản số 894/UBND-TTPTQĐ ngày 27/9/2019 nêu trên, là còn thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B theo quy định tại khoản 3 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn P:

- Về diện tích 205,2m² (chênh lệch giữa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp với đo đạc thực tế sử dụng) chưa được bồi thường.

Ngày 28/5/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (nay là thị xã P) xác minh hộ ông Nguyễn Văn P sử dụng thửa đất số 64, tờ bản đồ số 05 thị trấn P có diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.333m², diện tích đất thực tế sử dụng và bị thu hồi là 1.127,8m² (chênh lệch giảm 205,2m² so với giấy chứng nhận đã được cấp). Do đó, ngày 28/3/2014, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1413/QĐ-UBND bồi thường theo diện tích đất đo đạc sử dụng thực tế của hộ ông P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 3358/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã P) do không đồng ý về giá đất.

Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể tỷ lệ hỗ trợ, diện tích đất được hỗ trợ và giá đất ở trung bình để tính hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương”.

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 16/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dự án: Di dời các hộ dân nằm trong khu vực 21,2 ha phía Bắc nhà

máy T, thị trấn P, huyện T. Ngày 15/7/2015, Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã P) ban hành Quyết định số 3358/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông P với đơn giá đất ở từ 880.000đ/m² lên 2.237.000đ/m² và từ 101.000đ/m² lên 221.000đ/m² đối với đất nông nghiệp là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về diện tích 184,2m² đất xây dựng chưa được bồi thường:

Ông Nguyễn Văn P xây dựng nhà cấp 4 từ năm 2010 trên phần diện tích 184,2m² đất có mục đích sử dụng là đất nông nghiệp. Căn cứ khoản 4 Điều 18 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Nhà, công trình khác gắn liền với đất được xây dựng sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà tại thời điểm xây dựng đã trái với mục đích sử dụng đất đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được xét duyệt thì không được bồi thường”.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã P) không bồi thường diện tích nhà cấp 4 xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp sau ngày 01/4/2004 là đúng quy định của pháp luật đã được viện dẫn ở trên.

[2.2] Xét kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã P về việc không đồng ý hủy Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã P) với lý do: Ủy ban nhân dân thị xã P đã đồng ý giao 01 lô đất ở cho gia đình ông P là đã thực hiện chính sách tái định cư đối với hộ ông P; đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm hủy toàn bộ Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã P) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ Nguyễn Văn P là không đúng vì trong quyết định bồi thường trên còn có nhiều nội dung, hạng mục tính toán bồi thường, hỗ trợ khác mà ông P không khiếu nại thì đã xem như đồng ý.

Tuy nhiên, hộ ông Nguyễn Văn P bị thu hồi 100% diện tích đất ở và đất nông nghiệp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, không có nhà đất khác tại địa phương bị thu hồi nên đủ điều kiện để được tái định cư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Đồng thời, căn cứ quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 69, Điều 85 Luật đất đai năm 2013, thì chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư phải được xem xét cùng thời điểm ban hành quyết định thu hồi, quyết định bồi thường. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã P) ban hành Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 nhưng không xem xét về tái định cư, hỗ trợ di chuyển chỗ ở cho hộ ông P là không phù hợp với các quy định pháp luật đã viện dẫn ở trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm hủy toàn bộ Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã P) về việc phê duyệt phương án bồi

thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ Nguyễn Văn P và hủy Văn bản số 894/UBND-TTPTQĐ ngày 27/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh B về việc trả lời đơn khiếu nại của ông P liên quan đến chính sách tái định cư, là có cơ sở.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã P; không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn P; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn P phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông P là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn P, bác kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh B; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P:

- Hủy Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã P) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ Nguyễn Văn P và Bùi Thị T để xây dựng công trình: Di dời, tái định cư các hộ dân khu phố N nằm trong khu vực 21,1m ha phía Bắc nhà máy T (giai đoạn 2-Đợt 4) thị trấn P, huyện T.

- Hủy Văn bản số 894/UBND-TTPTQĐ ngày 27/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh B về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn P.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh B thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn Văn P theo đúng quy định pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P hủy Quyết định số 3358/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã P), tỉnh B về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đơn giá đất cho hộ ông P.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn P không phải chịu.

Người bị kiện, Ủy ban nhân dân thị xã P), tỉnh B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số 0000460 ngày 07/10/2022 (do ông Phạm Hoàng V nộp thay) của Cục thi hành án dân sự tỉnh B.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM P - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh